

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

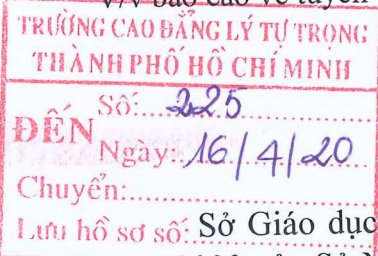
Số: 1114/GDDT-TC

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 4 năm 2020

V/v báo cáo về tuyển dụng viên chức

Kính gửi:

- Hiệu trưởng trường Trung học phổ thông công lập;
- Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở.



Sở Giáo dục và Đào tạo tiếp nhận công văn số 1290/SNV-CCVC ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Sở Nội vụ về việc báo cáo các trường hợp có sai phạm về tuyển dụng công chức, viên chức,

Sở Giáo dục và Đào tạo đề nghị đơn vị thực hiện các nội dung sau:

1. Căn cứ vào các quy định (*Phụ lục đính kèm*), thông kê danh sách các trường hợp hưởng lương từ nguồn ngân sách nhà nước thuộc các đối tượng tuyển dụng theo hai mốc thời gian **từ ngày 28 tháng 12 năm 2017 trở về trước** (*Biểu số 1 đính kèm*) và **sau ngày 28 tháng 12 năm 2017 đến hiện tại** (*Biểu số 2 đính kèm*), trong đó liệt kê cụ thể các trường hợp về tuyển dụng viên chức sau:

- Hiện nay chưa là viên chức (chưa qua tuyển dụng đang là hợp đồng lao động).
- Đã là viên chức (qua tuyển dụng) nhưng tại thời điểm tuyển dụng chưa đủ văn bằng, chứng chỉ chuyên môn, nghiệp vụ theo chuẩn chức danh nghề nghiệp, đến nay đã hoàn thiện hoặc chưa hoàn thiện tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định.

2. Gửi Biểu số 1 và Biểu số 2 kèm các hồ sơ minh chứng liên quan (*bản sao: Hợp đồng lao động hoặc Quyết định về hợp đồng lao động; Quyết định nâng lương hiện hưởng; các văn bằng chuyên môn, chứng chỉ nghiệp vụ; Bảng tổng hợp quá trình tham gia bảo hiểm xã hội*) về Sở Giáo dục và Đào tạo (Phòng Tổ chức cán bộ) bằng đường công văn; đồng thời gửi tập tin dữ liệu điện tử của 02 biểu mẫu về địa chỉ hộp thư: pntanh.sgddt@tphcm.gov.vn) **chậm nhất trước Thứ Ba ngày 21/4/2020**.

Lưu ý: Đối với các đơn vị không có trường hợp nào thì báo cáo bằng công văn ghi cụ thể nội dung “*Trường/Trung tâm không có trường hợp hiện nay chưa là viên chức nhưng đang được hưởng lương từ nguồn ngân sách nhà nước*”.

Thủ trưởng đơn vị chịu trách nhiệm về tính chính xác của nội dung báo cáo. Trên cơ sở danh sách báo cáo, Sở Giáo dục và Đào tạo tổng hợp gửi Sở Nội vụ thực hiện theo quy định./.

TL. GIÁM ĐỐC
TRƯỞNG PHÒNG TỔ CHỨC CÁN BỘ

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc Sở (để báo cáo);
- Lưu: VT, TCCB. TA.

(đã ký)

Tạ Thị Minh Thư

PHỤ LỤC

(Kèm theo công văn số /GDĐT-TC ngày tháng 4 năm 2020
của Sở Giáo dục và Đào tạo)

1. Nghị định 116/2003/NĐ-CP ngày 10/10/2003 của Chính phủ về việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý cán bộ, công chức trong các đơn vị sự nghiệp của nhà nước.
2. Nghị định số 121/2006/NĐ-CP ngày 23/10/2006 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 116/2003/NĐ-CP ngày 10/10/2003 của Chính phủ về việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý cán bộ, công chức trong các đơn vị sự nghiệp của nhà nước.
3. Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.
4. Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 19/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập.
5. Quyết định số 202/TCCP-VC ngày 08/6/1994 của Bộ trưởng, Trưởng ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch công chức ngành giáo dục và đào tạo.
6. Quyết định số 78/2004/QĐ-BNV ngày 03/11/2004 của Bộ Nội vụ về việc ban hành danh mục các ngạch công chức và ngạch viên chức.
7. Quyết định số 61/2005/QĐ-BNV ngày 15/6/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tạm thời chức danh và mã số ngạch của một số ngạch viên chức ngành giáo dục và đào tạo, văn hóa - thông tin.
8. Thông tư liên tịch số 20/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 14/9/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non.
9. Thông tư liên tịch số 21/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16/9/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học công lập.
10. Thông tư liên tịch số 22/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16/9/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở công lập.
11. Thông tư liên tịch số 23/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16/9/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học phổ thông công lập.
12. Thông tư liên tịch số 24/2014/TTLT-BKHCN-BNV ngày 01/10/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ Nội vụ quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành khoa học và công nghệ.
13. Thông tư số 11/2014/TT-BNV ngày 09/10/2014 của Bộ Nội vụ quy định chức danh, mã số ngạch và tiêu chuẩn nghiệp vụ chuyên môn các ngạch công chức chuyên ngành hành chính.
14. Thông tư số 05/2017/TT-BNV ngày 15/8/2017 của Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2014/TT-BNV ngày 09/10/2014 và Thông tư số 13/2010/TT-BNV ngày 30/12/2010 của Bộ Nội vụ về tiêu chuẩn nghiệp vụ chuyên môn, bổ nhiệm ngạch và xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành hành chính và việc tổ chức thi nâng ngạch công chức.
15. Thông tư số 14/2014/TT-BNV ngày 31/10/2014 của Bộ Nội vụ quy định chức danh, mã số ngạch và tiêu chuẩn nghiệp vụ chuyên môn các ngạch công chức chuyên ngành văn thư.

16. Thông tư liên tịch số 36/2014/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 28/11/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục đại học công lập.

17. Thông tư liên tịch số 02/2015/TTLT-BVHTTDL-BNV ngày 19/5/2015 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Bộ Nội vụ quy định mã số tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành thư viện.

18. Thông tư liên tịch số 19/2016/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 22/6/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật trong các cơ sở giáo dục công lập.

19. Thông tư số 45/2017/TT-BTTTT ngày 29/12/2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành công nghệ thông tin.

20. Thông tư số 02/2018/TT-BNV ngày 08/01/2018 của Bộ Nội vụ quy định mã số chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành công nghệ thông tin.

21. Thông tư số 03/2018/TT-BLĐTBXH ngày 15/6/2018 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quy định tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành giáo dục nghề nghiệp.

22. Thông tư số 10/2018/TT-BNV ngày 13/9/2018 của Bộ Nội vụ quy định mã số chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành giáo dục nghề nghiệp.

23. Thông tư số 07/2019/TT-BGDĐT ngày 02/5/2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương nhân viên giáo vụ trong trường phổ thông dân tộc nội trú; trường trung học phổ thông chuyên, trường dự bị đại học và trường dành cho người khuyết tật công lập.

24. Thông tư số 08/2019/TT-BGDĐT ngày 02/5/2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương nhân viên thiết bị, thí nghiệm trong các trường trung học và trường chuyên biệt công lập.

25. Thông tư số 77/2019/TT-BTC ngày 11/11/2019 của Bộ Tài chính quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành kế toán, thuế, hải quan, dự trữ./.